

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ - ST

Ngày 22/3/2019.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Duy;
2/ Bà Ngô Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2018/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/ 2019/QĐST- HNGĐ, ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1972.

- *Bị đơn:* Anh Hà Thanh Q, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Khu dân cư 18A, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2018; Các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Hà Thanh Q tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc, đến năm 2006 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên uống rượu về đánh đập, xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, cuộc sống luôn căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung tên Hà Tấn Đ, sinh ngày 16/02/1995; Hà Tấn T, sinh ngày 14/4/1997 và Hà Xuân Đ, sinh ngày 17/11/2005. Hai cháu Đ, T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Đ khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Hà Thanh Q: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Q nhưng anh Q không đến Tòa làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị N là có cơ sở, theo đó chị N được ly hôn anh Q; Về con chung: Hai con Đ, T đã trưởng thành, không yêu cầu còn cháu Đ giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu; Về nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là anh Hà Thanh Q các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Q đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử....) nhưng anh Q đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

Mặc dù, anh Q biết Tòa án đang giải quyết vụ án dân sự ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà anh là bị đơn nhưng anh vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, anh Q phải chịu hậu

quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Hà Thanh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Quá trình chung sống anh Q là người chồng thường hay uống rượu, không chăm lo cho gia đình, có hành vi bạo lực với chị N nhiều lần, chị N cố gắng chịu đựng và gia đình đã nhiều lần khuyên răn, hòa giải nhưng anh Q không nghe, từ tháng 10/2018 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị để sống, giữa chị và anh Q không ai quan tâm đến ai, điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, tình trạng hôn nhân của chị N anh Q đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Q có ba con chung, trong đó hai cháu Hà Tấn Đ, sinh ngày 16/02/1995, Hà Tấn T, sinh ngày 14/4/1997 đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng hai cháu Đ, T còn cháu Hà Xuân Đ, sinh ngày 17/11/2005, hiện nay đang ở với anh Q. Tuy nhiên, anh Q thường xuyên uống rượu, không chăm lo được cho con, không có thu nhập ổn định, cháu Đ đang trong giai đoạn trưởng thành nên cần phải có người chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, trong khi đó chị N là người mẹ có trách nhiệm, thương yêu các con và có một công việc ổn định, có thu nhập... Hơn nữa, giao cháu Đ cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chị N phải chịu 300.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N được ly hôn anh Hà Thanh Q.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Hà Xuân Đ, sinh ngày 17/11/2005 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q không cấp dưỡng cho con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003761, ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

